

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST  
Ngày 04 - 4 - 2019.  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Biện
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phùng Ngọc Minh.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST- DSTC, ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DSTC ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QDST-DSTC ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Bưu điện LV- Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang; ĐD theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức N - Phó Giám đốc

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn D; địa chỉ: Tổ 12, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Lệ T; địa chỉ: Tổ 12, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện LV - Chi nhánh Hà Giang (sau đây viết tắt NHTMCP BĐ LV - Chi nhánh Hà Giang) trình bày: Ngày 18/8/2018 NH TMCP BĐ LVt - Chi nhánh Hà Giang và ông Phạm Văn D đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1555/TDH/2016. NH TMCP BĐ Liên Việt - Chi nhánh Hà Giang đồng ý cho ông D vay số tiền 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng), mức lãi suất tại thời điểm ký kết là 12%/năm, phương thức áp dụng lãi suất cho vay là lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ quy định của Ngân hàng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày ký khế ước nhận nợ 18/8/2016); mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình. Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản, ông D có ủy quyền cho phòng Nội vụ thành phố H nơi ông D công tác giữ lại thu nhập lương và các khoản thu nhập theo lương tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho NH BĐ LV và bà Nguyễn Lệ T vợ ông D cùng ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay của ông D.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ NH TMCP BĐ LV - Chi nhánh Hà Giang và để phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Cụ thể ông D đã nghỉ việc từ tháng 9/2017, nhưng ông D không thực hiện việc trả toán khoản nợ, ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông D đến giải quyết nhưng ông D có thái độ trốn tránh không hợp tác, sau đó ông D và bà T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Tính đến ngày 18/9/2018 ông D còn nợ số tiền là 66.083.677đ, trong đó nợ gốc: 61.590.000; nợ lãi dự thu là 4.429.800; lãi phạt c dự thu là: 19.150đ; gốc phạt dự thu là: 44.727đ.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, gia đình ông D đã tự nguyện trả thay cho NH TMCP BĐ LV - Chi nhánh Hà Giang được số tiền: 63.803.004đ. Tính đến ngày 02/4/2019 ông D còn nợ ngân hàng số tiền 2.280.673đ, tại phiên tòa hôm nay, ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông D bà T trả nốt số nợ còn lại tính đến ngày 02/4/2019 là 2.280.673đ

\* Bị đơn ông Phạm Văn D và người có nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lệ T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông D, bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, đại diện tổ nhân dân tổ 12, phường N, Công an phường N, thành phố H cung cấp hiện nay ông D, bà T đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa bàn nơi cư trú từ tháng 8/2017. Khi đi khỏi nơi cư trú ông D, bà T không thông báo về việc thay đổi nơi cư trú, không báo tạm vắng nên chính quyền địa phương nơi ông D, bà T đăng ký tạm trú không biết hiện nay ông D, bà T đang cư trú ở đâu.

Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử theo quy định chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông D và bà T hoàn trả nốt số tiền gốc: 1.536.876 đ; số dự thu là 686.801 đ; dự thu lãi phạt: 56.996 đ. Tổng số nợ tính ngày xét xử 02/4/2019 là 2.280.673đ.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280, 288, 290, 357 BLDS năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông D và bà T phải liên đới trả số tiền nợ gốc: 1.536.876 đ; số dự thu là 686.801 đ; dự thu lãi phạt: 56.996 đ. Tổng số nợ tính ngày xét xử 02/4/2019 là 2.280.673đ và lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2019 đến khi ông D, bà T trả hết nợ.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP BD LV - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phạm Văn D bà Nguyễn Lệ T; địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn ông Phạm Văn D, người có QLNVLQ bà Nguyễn Lệ T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông D, bà T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP BD LV - Chi nhánh Hà Giang đồng ý cho ông D vay số tiền 100.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), mức

lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 18/8/2016, mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình. Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản, ông D cam kết trả nợ từ tiền lương hàng tháng và bà T là người đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay của ông D. Như vậy, xác định tranh chấp là Hợp đồng Tín dụng và là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280, 357 BLDS năm 2015.

[3]. Về nội dung: Ngày 18/8/2016 Ngân hàng TMCP BĐ LV - Chi nhánh Hà Giang và ông D đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng số 1555/TDH/2016, NH TMCP BĐ Liên Việt - Chi nhánh Hà Giang, đồng ý cho ông D vay số tiền 100.000.000,đ (*Một trăm triệu đồng*), mức lãi suất tại thời điểm ký kết là 12%/năm, phương thức áp dụng lãi suất cho vay là lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ quy định của Ngân hàng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày ký khế ước nhận nợ 18/8/2016), mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình. Hình thức bảo đảm tiền vay không có bảo đảm bằng tài sản, ông D có ủy quyền cho phòng Nội vụ thành phố H nơi ông D công tác giữ lại thu nhập lương và các khoản thu nhập theo lương tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho NH BĐ LV và bà T vợ ông D cùng ký cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cho khoản vay của ông D. Tại thời điểm cho vay ông D công tác tại phòng Nội vụ thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà T đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 18/9/2017, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà T trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng ông D, bà T không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Tính đến thời điểm xét xử ông D bà T còn nợ số tiền gốc: 1.536.876 đ; số dự thu là 686.801 đ; dự thu lãi phạt: 56.996 đ. Tổng số nợ tính ngày xét xử 02/4/2019 là 2.280.673đ. Nay Ngân hàng BĐ Liên Việt yêu cầu ông D và bà T liên đới trả số tiền gốc, lãi nêu trên.

Bị đơn ông D, bà T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình.

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP BĐ LV - Chi nhánh Hà Giang đề nghị ông D, bà T phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 1555/TDH/2016, ngày 18/8/2016, ông D đã vay được tiền nhưng không trả nợ theo thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn trả cả gốc và lãi từ ngày 18/9/2017. Nay do ông D và bà T đã đi khỏi nơi cư trú, trước khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương nơi đang cư trú và ngân hàng BĐ LV, biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và đã nghỉ việc. Do vậy, Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, Điều 357 - BLDS năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH BĐ LV buộc ông D và bà T phải liên đới mỗi người trả 1/2 số nợ cho NH BĐ

LV cụ thể số dư nợ gốc:1.536.876đ; số dự thu là 686.801đ; dự thu lãi phạt: 56.996đ. Tổng số nợ còn lại tính ngày xét xử 02/4/2019 là 2.280.673đ và lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2019 đến khi ông D, bà T trả hết nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông D, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280, 288, 290, Điều 357 - Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý a mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV - Chi nhánh Hà Giang về việc yêu cầu ông Phạm văn D trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 1555/TDH/2016, ngày 18/8/2016.

Xử: Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Lệ T phải có trách nhiệm liên đới mỗi người trả 1/2 số nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV - Chi nhánh Hà Giang, cụ thể số tiền nợ gốc:1.536.876 đ; số dự thu là 686.801 đ; dự thu lãi phạt: 56.996 đ. Tổng số nợ tính ngày xét xử 02/4/2019 là 2.280.673đ (*Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2019 cho đến khi ông D, bà T trả hết số tiền nợ gốc.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.*

#### **2. Về án phí:**

- Ông Phạm Văn D và Bà Nguyễn Lệ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó phần của ông D là 150.000đ; bà T là 150.000đ.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 1.652.000 (*Một triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 00970 ngày 12/10/2018 ( do bà Đoàn Thu H nộp thay).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có QLNVLQ vắng mặt có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- C.C THADS TP. H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thanh Bình**